

## QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh và vị trí các điểm dừng đón, trả khách trên các tuyến đường bộ thuộc địa bàn tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

Căn cứ Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

Căn cứ Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 7/11/2014 của Bộ Giao thông Vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT ngày 02/11/2015 của Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Căn cứ Quyết định số 1462/QĐ-TTg ngày 23/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1202/QĐ-UBND ngày 24/6/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông Vận tải và Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh và vị trí các điểm dừng, đón trả khách trên các tuyến đường bộ thuộc địa bàn tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030, với những nội dung chủ yếu sau:

### I. Quan điểm và mục tiêu quy hoạch

#### 1. Quan điểm quy hoạch:

a) Quy hoạch mạng lưới tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh và vị trí các điểm dừng, đón trả khách trên các tuyến đường bộ thuộc địa bàn tỉnh

Lâm Đồng phải phù hợp với quy hoạch phát triển giao thông vận tải, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và tình hình thực tế của địa phương.

b) Phát triển hợp lý, đồng bộ về kết cấu hạ tầng, luồng, tuyến và phương tiện vận tải; tăng cường kết nối các tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh với các phương thức vận tải khác; nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước về hoạt động vận tải, từng bước xây dựng và đưa ra các giải pháp phù hợp để khai thác kinh doanh vận tải hành khách tuyến cố định nội tỉnh, tạo môi trường hoạt động kinh doanh lành mạnh, bình đẳng, thu hút các tổ chức, cá nhân có nhu cầu đầu tư và khai thác kinh doanh.

## **2. Mục tiêu quy hoạch:**

a) Xây dựng mạng lưới tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh và vị trí các điểm dừng đón, trả khách trên tuyến cố định hợp lý và thống nhất trên phạm vi toàn tỉnh với quy mô phù hợp, phát huy ưu thế của các phương thức vận tải hành khách, đáp ứng nhu cầu vận tải hành khách với chất lượng cao, giá thành hợp lý, tiện nghi, an toàn, tạo điều kiện cho người dân dễ tiếp cận, sử dụng và bảo vệ môi trường sinh thái; kết nối mạng lưới tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh với các tuyến xe buýt, tuyến vận chuyển hành khách liên tỉnh và vận tải hàng không.

b) Phấn đấu đến năm 2020, tỷ lệ đảm nhận của vận tải hành khách bằng xe ô tô trên tuyến cố định đạt 1,4% (khoảng 1,2 triệu lượt hành khách/năm) và đến năm 2030 đạt 1,7% (khoảng 2,6 triệu lượt hành khách/năm) trên tổng nhu cầu đi lại của nhân dân trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

c) Xây dựng, xác lập 128 cặp điểm dừng đón, trả khách trên hệ thống đường bộ tỉnh Lâm Đồng trước năm 2020 để đảm bảo an ninh trật tự và an toàn giao thông.

## **II. Nội dung quy hoạch**

### **1. Quy hoạch mạng lưới tuyến cố định nội tỉnh:**

a) Giai đoạn đến năm 2020: toàn tỉnh có 36 tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh với tổng chiều dài khoảng 2.629 km, vận chuyển hành khách đạt khoảng 1,2 triệu lượt hành khách/năm, trong đó:

- Đối với 19 tuyến hiện hữu: giữ nguyên lộ trình, với tổng chiều dài khoảng 1.672 km; nâng cao chất lượng dịch vụ và tăng tần suất hoạt động đối với những tuyến có lưu lượng hành khách lớn (*Chi tiết tại Phụ lục 01 đính kèm*).

- Mở mới 17 tuyến với tổng chiều dài khoảng 957 km để kết nối các đầu mối giao thông lớn của tỉnh, như: bến xe liên tỉnh Đà Lạt, bến xe Đức Long Bảo Lộc, bến xe Đức Trọng đến các trung tâm huyện, thành phố khác và từ trung tâm các huyện đến trung tâm xã có nhu cầu đi lại cao với tần suất khai thác 02 chuyến/ngày (lượt đi và về) để tạo thói quen đi lại cho người dân (*Chi tiết các tuyến mở mới tại Phụ lục 02 đính kèm*).



b) Giai đoạn 2020 - 2030: toàn tỉnh có 47 tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh, với tổng chiều dài khoảng 3.402 km, vận chuyển hành khách đạt khoảng 2,6 triệu lượt hành khách/năm, trong đó:

- Đối với 36 tuyến đang hoạt động: Tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ và tăng tần suất hoạt động đối với những tuyến có lưu lượng hành khách lớn.

- Mở mới thêm 11 tuyến với tổng chiều dài khoảng 773 km.

*(Chi tiết các tuyến mở mới tại Phụ lục 03 đính kèm).*

## **2. Quy hoạch phát triển phương tiện:**

a) Giai đoạn đến năm 2020: Tổng phương tiện hoạt động khoảng 95 - 105 xe, trong đó bao gồm 50 xe hiện có; đầu tư thêm 40 - 45 xe 16 chỗ và 05 - 10 xe 29 chỗ.

b) Giai đoạn 2020 - 2030: Tổng phương tiện hoạt động khoảng 205 - 215 xe, trong đó đầu tư thêm 05 - 10 xe 16 chỗ và 95 - 105 xe 29 chỗ.

Việc lựa chọn chủng loại phương tiện phải đảm bảo theo quy định và nhu cầu hành khách thực tế trên mỗi tuyến.

*(Chi tiết phương tiện từng tuyến tại Phụ lục 04 đính kèm).*

## **3. Quy hoạch cơ sở hạ tầng phục vụ tuyến cố định nội tỉnh:**

a) Bến xe: cải tạo, nâng cấp các bến hiện hữu và đầu tư xây dựng các bến mở mới đạt tiêu chuẩn theo Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 05/01/2012 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể hệ thống bến xe ô tô khách trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đến năm 2015 và định hướng đến năm 2025.

b) Trạm dừng nghỉ: theo Quyết định số 2753/QĐ-BGTVT ngày 10/9/2013 của Bộ Giao thông vận tải (trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng có 06 trạm dừng nghỉ, trong đó: 03 trạm thuộc Quốc lộ 20; 02 trạm thuộc Quốc lộ 27 và 01 trạm thuộc Quốc lộ 28); đề xuất Bộ Giao thông vận tải mở mới thêm 01 trạm dừng nghỉ trên tuyến Quốc lộ 27C (tại vị trí từ Km38+000 đến Km40+000, thuộc xã Đạ Chais, huyện Lạc Dương) với quy mô loại 3, diện tích khoảng 3.000 - 3.500m<sup>2</sup>.

*(Chi tiết tại Phụ lục 05 đính kèm).*

c) Các điểm dừng đón, trả khách: xác lập, đầu tư xây dựng mới 128 cặp điểm phục vụ dừng đón, trả khách theo dạng vịnh trên các tuyến đường bộ của tỉnh.

*(Chi tiết tại Phụ lục 06 đính kèm).*

## **4. Vốn đầu tư:**

a) Đầu tư phát triển phương tiện: tổng số vốn đầu tư đến năm 2030 khoảng 230 - 240 tỷ đồng từ nguồn vốn xã hội hoá; trong đó:

- Giai đoạn 2016 - 2020: 60 - 65 tỷ đồng.

- Giai đoạn 2020 - 2030: 170 - 175 tỷ đồng.

b) Đầu tư xây dựng các điểm dừng đón, trả khách: tổng số vốn đầu tư đến năm 2030 khoảng 10 - 15 tỷ đồng từ nguồn vốn ngân sách, vốn xã hội hóa hoặc các nguồn vốn hợp pháp khác.



### **5. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư:**

a) Ưu tiên đầu tư xây dựng các điểm dừng đón, trả khách trên hệ thống Quốc lộ và các tuyến đường Tỉnh lộ để tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại của người dân.

b) Ưu tiên đầu tư xây dựng các bến xe mới tại trung tâm các xã hiện đang có tuyến cố định nội tỉnh hoạt động nhưng chưa có bến (*Chi tiết tại Phụ lục 07 đính kèm*).

### **III. Các giải pháp, chính sách chủ yếu thực hiện quy hoạch**

#### **1. Giải pháp về tổ chức và quản lý hoạt động vận tải:**

a) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các vi phạm trong hoạt động vận tải hành khách tuyến cố định nội tỉnh. Chú trọng kiểm soát lộ trình và các điểm đón, trả khách dọc tuyến vận tải cố định nội tỉnh.

b) Công bố đầy đủ các thông tin về tuyến, hành trình, tần suất khai thác trên tuyến ở 2 đầu bến để các đơn vị vận tải đăng ký tham gia khai thác.

c) Tổ chức đấu thầu khai thác các tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh có lưu lượng vận tải lớn, nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ hành khách, đồng thời công khai, minh bạch và bình đẳng.

d) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giám sát giữa các bến xe, đơn vị vận tải với Sở Giao thông vận tải; triển khai việc quản lý mạng lưới tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh bằng bản đồ số; tăng cường giám sát thông qua thiết bị giám sát hành trình (GPS).

đ) Chuyển đổi một số tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh có tần suất cao, cự ly hợp lý sang hoạt động theo hình thức xe buýt nếu phù hợp.

#### **2. Giải pháp về phát triển kết cấu hạ tầng:**

a) Ưu tiên bố trí quỹ đất và nguồn vốn để đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách tuyến cố định nội tỉnh, như: bến xe khách; điểm dừng đón, trả khách; trạm dừng nghỉ; đường tiếp cận bến xe; không gian cho người đi bộ; ... để hỗ trợ người dân dễ dàng tiếp cận và tăng cường kết nối với các phương thức vận tải khác, đảm bảo thuận tiện cho việc lên, xuống xe và an toàn giao thông.

b) Ban hành cơ chế, chính sách đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư, hỗ trợ lãi suất vay đối với các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách, như: bến xe; trạm dừng nghỉ; điểm dừng đón, trả khách. Tập trung đầu tư xây dựng, nâng cấp, bảo trì các tuyến đường bộ đảm bảo chất lượng và an toàn giao thông, đặc biệt là các tuyến phục vụ vận tải hành khách đến các khu vực có địa hình khó khăn; các huyện, xã vùng sâu, vùng xa.

c) Các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch các bến xe khách ở vị trí thuận lợi cho việc đi lại của người dân và hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.



### **3. Giải pháp về chất lượng dịch vụ:**

a) Xây dựng quy trình quản lý chất lượng dịch vụ và an toàn giao thông trong vận tải hành khách cố định nội tỉnh áp dụng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

b) Việc lựa chọn đơn vị tham gia khai thác tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh phải căn cứ vào chất lượng, uy tín và quy mô của đơn vị vận tải. Ban hành các tiêu chuẩn để sàng lọc, chọn lựa các đơn vị tham gia khai thác vận tải khách cố định nội tỉnh; hạn chế, loại bỏ các đơn vị yếu kém, chất lượng dịch vụ thấp, khuyến khích tạo điều kiện cho các đơn vị có chất lượng dịch vụ tốt và uy tín phục vụ nhân dân.

c) Các doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải hành khách tuyến cố định nội tỉnh phải công khai các chỉ tiêu về chất lượng dịch vụ, như: hành trình; điểm dừng đón, trả khách; thời gian vận chuyển; giá vé,... và thiết lập hệ thống thông tin phản hồi giữa các cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp và người dân.

d) Các đơn vị quản lý bến xe phải đầu tư, nâng cấp hệ thống bến bãi đảm bảo các quy chuẩn, tiêu chuẩn theo quy định, đáp ứng được nhu cầu đi lại hàng ngày của nhân dân, nhất là trong các dịp Lễ, Tết. Đầu tư lắp đặt hệ thống bảng thông tin điện tử, hệ thống bán vé hiện đại, bán vé qua mạng internet.

### **4. Giải pháp về đảm bảo an toàn giao thông:**

a) Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát trên tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh theo chế độ định kỳ và đột xuất; thực hiện nghiêm các quy định khi xe ra, vào bến; kiểm tra, giám sát chặt chẽ quá trình hoạt động trên tuyến và xây dựng chế độ hậu kiểm sau khi cấp phép tuyến đối với phương tiện (đăng kiểm,...) và nhân lực (giấy phép lái xe, sức khỏe,...) theo định kỳ.

b) Xử lý nghiêm các doanh nghiệp, hợp tác xã có phương tiện khai thác trên tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh vi phạm tốc độ, vi phạm Luật giao thông đường bộ (dừng đón, trả khách không đúng nơi quy định, phóng nhanh, vượt ẩu,...) thông qua thiết bị giám sát hành trình và thực địa.

c) Đầu tư cơ sở hạ tầng, lắp đặt biển báo tại các vị trí điểm dừng đón, trả khách dọc tuyến. Nghiên cứu phân làn và tổ chức giao thông qua các hệ thống biển báo, đèn tín hiệu và thông tin chỉ dẫn tại các tuyến trục chính trên địa bàn tỉnh.

d) Tăng cường công tác tập huấn, tuyên truyền, giáo dục nâng cao tay nghề, kỹ năng, thái độ, ý thức, đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ lái xe, tự giác chấp hành các quy định về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, phòng tránh tai nạn giao thông..

### **5. Giải pháp về cơ chế, chính sách hỗ trợ:**

a) Khuyến khích các đơn vị vận tải tham gia khai thác trên các tuyến vận tải kết nối đến vùng sâu, vùng xa thông qua cơ chế ưu đãi về thuế, phí, đất đai.

b) Yêu cầu các doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải ký cam kết thực hiện tốt chất lượng dịch vụ vận tải, ký hợp đồng cung ứng dịch vụ vận tải ô tô nội tỉnh sau khi đấu thầu. Tạo môi trường kinh doanh ổn định, bình đẳng; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quy định, vi phạm cam kết.



c) Hỗ trợ các doanh nghiệp nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải hành khách nội tỉnh, tăng cường đổi mới phương tiện vận tải theo hướng sử dụng công nghệ hiện đại, bảo vệ môi trường.

d) Hỗ trợ tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo ngắn ngày,... giúp doanh nghiệp nâng cao chất lượng quản lý, điều hành vận tải, tiết giảm chi phí, xây dựng mức giá vé hợp lý.

e) Kịp thời khen thưởng, biểu dương những doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải có chất lượng phục vụ tốt và tỷ lệ phản hồi tích cực cao từ hành khách; đồng thời phê phán, chấn chỉnh những tổ chức, cá nhân yếu kém, chất lượng phục vụ thấp trên các phương tiện thông tin đại chúng.

### **6. Giải pháp về thông tin truyền thông:**

a) Các bên xe khách phục vụ tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh phải đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật, có hệ thống biển báo, thông tin đầy đủ, rõ ràng.

b) Bổ sung thông tin về các luồng, tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh, tần suất, giá vé, tên các doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải trên Website của Sở Giao thông vận tải và Cổng thông tin điện tử của tỉnh. Niêm yết đầy đủ các thông tin về luồng, tuyến tại các điểm dừng đón, trả khách và trên xe.

c) Các thông tin phản ánh về lĩnh vực vận tải hành khách tuyến cố định nội tỉnh phải được gửi về Sở Giao thông vận tải để tiếp nhận và xử lý; đồng thời xây dựng cơ chế giám sát việc xử lý thông tin, xây dựng quy chế bảo mật thông tin đối với người cung cấp thông tin.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

### **1. Sở Giao thông vận tải:**

a) Chịu trách nhiệm tổ chức công bố, công khai và thực hiện quy hoạch này theo quy định.

b) Tổ chức, quản lý hoạt động vận tải khách cố định trên địa bàn tỉnh và các biển báo dừng đón, trả khách tại các vị trí đã lắp đặt, đảm bảo an ninh, trật tự an toàn giao thông.

c) Phối hợp với Cục Quản lý đường bộ và cơ quan, đơn vị có liên quan trong công tác quản lý vận tải tại các điểm dừng đón, trả khách cố định trên các tuyến Quốc lộ đi qua địa bàn tỉnh.

d) Căn cứ vào lộ trình quy hoạch chủ động giải quyết tăng, giảm số lượng doanh nghiệp, số lượng phương tiện và báo cáo UBND tỉnh điều chỉnh Quy hoạch về số lượng tuyến, số lượng vị trí các điểm dừng đón, trả khách trên tuyến cố định nhằm đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân.

đ) Thực hiện thông tin, tuyên truyền đến các doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải khách tuyến cố định trên địa bàn tỉnh biết về vị trí lắp đặt các biển báo dừng, đón trả khách tuyến cố định để xây dựng phương án kinh doanh phù hợp.

e) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính xây dựng, đề xuất lộ trình đầu tư hoặc kêu gọi đầu tư xây dựng các điểm dừng đón, trả khách; bảo trì các biển báo được lắp đặt trên các tuyến đường trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định

g) Tổ chức thanh tra, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách trên tuyến cố định.

**2. Công an tỉnh:** chỉ đạo lực lượng Cảnh sát giao thông và các lực lượng nghiệp vụ khác tổ chức tuần tra, kiểm soát xử lý nghiêm các phương tiện vận tải vi phạm về trật tự, an toàn giao thông và hoạt động vận tải bằng xe ô tô; phối hợp chặt chẽ với các Sở, ngành, địa phương và đơn vị có liên quan trong việc xử lý các tổ chức, cá nhân vi phạm.

### **3. Sở Tài chính:**

a) Phối hợp với Sở Giao thông vận tải trong thực hiện quản lý giá cước trên từng tuyến theo quy định của pháp luật.

b) Hướng dẫn các doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải trong việc xây dựng, đăng ký trình duyệt giá cước theo quy định.

### **4. UBND các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc:**

a) Phối hợp với Sở Giao thông vận tải trong quản lý, giám sát, đảm bảo trật tự, an toàn giao thông tại khu vực bến xe, trạm dừng nghỉ, điểm đón trả khách các tuyến cố định trên địa bàn.

b) Xử lý các đối tượng lấn chiếm các vị trí điểm dừng đón, trả khách để buôn bán gây mất trật tự và an toàn giao thông.

c) Bố trí quỹ đất xây dựng bến xe, bãi đỗ xe, các điểm dừng đón, trả khách tuyến cố định theo quy hoạch này và các quy hoạch liên quan đến phát triển giao thông vận tải đã được phê duyệt.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

#### **Nơi nhận:**

- Bộ Giao thông Vận tải;
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- LĐVP;
- Lưu: VT, GT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Đoàn Văn Việt



**Phụ lục 01: Danh mục các tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh hiện hữu đến năm 2020**  
 (Ban hành kèm theo Quyết định số 595/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2017 của UBND tỉnh Lâm Đồng)



Stt	Mã tuyến	Tên tuyến	Cự ly (Km)	Lộ trình	Quy hoạch
1	49491114	BX Liên tỉnh (LT) Đà Lạt - BX Đạ Tẻh	185	Bến xe liên tỉnh Đà Lạt - Đèo Prenn - Quốc lộ 20 - ĐT.721 - Bến xe Đạ Tẻh	Nâng cao chất lượng dịch vụ, xem xét tăng tần suất hoạt động
2	49491115	BX LT Đà Lạt - BX Cát Tiên	200	Bến xe liên tỉnh Đà Lạt - Đèo Prenn - Quốc lộ 20 - ĐT.721 - Bến xe Cát Tiên	Nâng cao chất lượng dịch vụ, xem xét tăng tần suất hoạt động
3	49491116	BX LT Đà Lạt - BX Lâm Hà	70	Bến xe liên tỉnh Đà Lạt - Đèo Prenn - Cao tốc Liên Khương-Prenn - Quốc lộ 27 - Bến xe Lâm Hà	Nâng cao chất lượng dịch vụ, xem xét tăng tần suất hoạt động
4	49491117	BX LT Đà Lạt - BX Đức Trọng	33	Bến xe liên tỉnh Đà Lạt - Đèo Prenn - Quốc lộ 20 - Bến xe Đức Trọng	Nâng cao chất lượng dịch vụ, xem xét tăng tần suất hoạt động
5	49491120	BX LT Đà Lạt - BX Đơn Dương	50	Bến xe liên tỉnh Đà Lạt - Đèo Prenn - Quốc lộ 20 - Quốc lộ 27 - Đường 2 tháng 4 - Bến xe Đơn Dương	Nâng cao chất lượng dịch vụ, xem xét tăng tần suất hoạt động
6	494911	BX LT Đà Lạt-BX Đà Loan (Đức Trọng)	60	Bến xe liên tỉnh Đà Lạt - Đèo Prenn - Quốc lộ 20 - Ngã 3 Tà In - Quốc lộ 28B - ĐT.729QH - UBND xã Đà Loan	Nâng cao chất lượng dịch vụ, xem xét tăng tần suất hoạt động
7	494911	BX LT Đà Lạt-UBND xã Tà In (Đức Trọng)	62	Bến xe liên tỉnh Đà Lạt - Đèo Prenn - Quốc lộ 20 - Ngã 3 Tà In - Quốc lộ 28B - UBND xã Tà In	Nâng cao chất lượng dịch vụ, xem xét tăng tần suất hoạt động
8	49491211	BX Đức Long Bảo Lộc - BX LT Đà Lạt	115	Bến xe Đức Long Bảo Lộc - Quốc lộ 20 - Cao tốc Liên Khương-Prenn - Đèo Prenn - Bến xe liên tỉnh Đà Lạt	Nâng cao chất lượng dịch vụ, xem xét tăng tần suất hoạt động
9	49491214	BX Đức Long Bảo Lộc - BX Đạ Tẻh	70	Bến xe Đức Long Bảo Lộc - Đường Trần Phú - Quốc lộ 20 - ĐT.721 - Bến xe Đạ Tẻh	Nâng cao chất lượng dịch vụ, xem xét tăng tần suất hoạt động
10	494912	BX Đức Long Bảo Lộc - Đa Mi	40	Bến xe Đức Long Bảo Lộc - QL.20 - Ngã 3 Đại Bình - Quốc lộ 55 - TT xã Đa Mi	Nâng cao chất lượng dịch vụ, xem xét tăng



Stt	Mã tuyến	Tên tuyến	Cự ly (Km)	Lộ trình	Quy hoạch
					tần suất hoạt động
11	49492337	BX Tân Hà – TT Lạc Dương	87	Đ. Xô Viết Nghệ Tĩnh – Phan Đình Phùng – đường 3/2 – Trần Phú - đường 3/4- QL20 – QL27 – ĐT725	Nâng cao chất lượng dịch vụ, xem xét tăng tần suất hoạt động
12	49493725	BX Đạ Tông – TT Lạc Dương	145	UBND. TT Lạc Dương - Đ. Xô Viết Nghệ Tĩnh – Phan Đình Phùng – đường 3/2 – Trần Phú - đường 3/4- QL20 – QL27 – ngã 3 Bằng Lăng - Đạ Tông	Nâng cao chất lượng dịch vụ, xem xét tăng tần suất hoạt động
13	49491725	BX Đức Trọng – Đạ Tông	120	QL20 – QL27 – ngã 3 Bằng Lăng - bến tạm Đạ Tông	Nâng cao chất lượng dịch vụ, xem xét tăng tần suất hoạt động
14	494917	BX Đức Trọng-UBND xã Đạ Quyn (Đức Trọng)	55	Bến xe Đức Trọng - Quốc lộ 20 - Ngã 3 Tà In - QL.28B - ĐT.729QH - UBND xã Đạ Quyn	Nâng cao chất lượng dịch vụ, xem xét tăng tần suất hoạt động
15	494917	BX Đức Trọng-UBND xã Tà Năng (Đức Trọng)	50	Bến xe Đức Trọng - Quốc lộ 20 - Ngã 3 Tà In - Quốc lộ 28B - ĐT.729QH- UBND xã Tà Năng	Nâng cao chất lượng dịch vụ, xem xét tăng tần suất hoạt động
16	494917	BX Đức Trọng-UBND xã Đạ Rsal (Đam Rông)	95	Bến xe Đức Trọng - Quốc lộ 20 - Quốc lộ 27 - TT xã Đạ Rsal huyện Đam Rông	Nâng cao chất lượng dịch vụ, xem xét tăng tần suất hoạt động
17	494917	BX Đức Trọng-UBND xã Phi Liêng (Đam Rông)	65	Bến xe Đức Trọng - Quốc lộ 20 - Quốc lộ 27 - TT xã Phi Liêng huyện Đam Rông	Nâng cao chất lượng dịch vụ, xem xét tăng tần suất hoạt động
18	49491421	BX Đạ Têh - Bảo Lâm	70	Bến xe Đạ Têh - ĐT.721 - Quốc lộ 20 - Đường Trần Phú - Đường Nguyễn Văn Cừ - Đường Hùng Vương - Bến xe Bảo Lâm	Nâng cao chất lượng dịch vụ, xem xét tăng tần suất hoạt động
19	49491614	BX Đạ Têh - BX Lâm Hà	170	Bến xe Đạ Têh - ĐT.721 - Quốc lộ 20 - Quốc lộ 27 - BX Lâm Hà	Nâng cao chất lượng dịch vụ, xem xét tăng tần suất hoạt động
		<b>Tổng cộng</b>	<b>1.672</b>		

**Phụ lục 02: Danh mục các tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh mở mới đến năm 2020**  
 (Ban hành kèm theo Quyết định số 535/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2017 của UBND tỉnh Lâm Đồng)



Stt	Tên tuyến	Cự ly (Km)	Lộ Trình	Quy hoạch
1	BX LT Đà Lạt - BX Tân Hà	55	BX LT Đà Lạt – Vòng xoay Liên Khương – QL.27 – ĐT.725 – BX Tân Hà	Mở mới
2	BX LT Đà Lạt - BX Đưng K'Nớ	55	Bến xe liên tỉnh Đà Lạt - Phan Đình Phùng - Xô Viết Nghệ Tĩnh - ĐT.722 - Trường Sơn Đông - Bến xe Đưng K'Nớ	Mở mới
3	BX LT Đà Lạt - BX Đam Rông	120	Bến xe liên tỉnh Đà Lạt - Đèo Prenn - Cao tốc Liên Khương-Prenn - Quốc lộ 27 - Bến xe Đam Rông	Mở mới
4	BX Đức Long Bảo Lộc - BX xã Đạ Chais	150	Bến xe Đức Long Bảo Lộc - Quốc lộ 20 - QL.27C - Bến xe Đạ Chais	Mở mới
5	BX Đức Long Bảo Lộc - BX xã Đạ Loan	100	Bến xe Đức Long Bảo Lộc - Quốc lộ 20 - Ngã 3 Tà In - QL.28B - ĐT.729QH - Bến xe Đạ Loan	Mở mới
6	BX Đức Trọng - BX TT. Nam Ban	55	Bến xe Đức Trọng - Quốc lộ 20 - Cao tốc Liên Khương-Prenn - Quốc lộ 20 - ĐT.725 - Bến xe thị trấn Nam Ban	Mở mới
7	BX Đức Trọng - BX D'ran	38	Bến xe Đức Trọng - Quốc lộ 20 - Ngã 3 Phi Nôm - QL.27 - ĐT.729 QH - Bến xe D'ran	Mở mới
8	BX Đức Trọng - BX xã Đạ Long	110	BX Đức trọng - QL.20 - QL.27 - Ngã 3 Bằng Lăng - ĐH.41 (ĐT.722 QH) - Bến xe xã Đạ Long	Mở mới
9	BX Đức Trọng - BX xã Pờ Róh	29	Bến xe Đức Trọng - Quốc lộ 20 - Ngã 3 Phi Nôm - Quốc lộ 27 - Đường huyện 412 (ĐT.729QH) - Bến xe Pờ Róh	Mở mới
10	BX Đức Trọng - BX Tân Hà	32	BX Đức Trọng – QL.20 – ĐH.1(QH) - QL.27 – Ngã 3 Sơn Hà - ĐT.725 – bến xe Tân Hà	Mở mới
11	BX Tân Hà - BX Đạ Rsal	75	Bến xe Tân Hà - ĐT.725 - Ngã 3 Sơn Hà – Quốc lộ 27 - BX Đạ Rsal	Mở mới
12	BX Di Linh - BX xã Hoà Bắc	26	BX Di Linh - QL.20 - Hoà Trung - Hoà Bắc - BX xã Hoà Bắc	Mở mới
13	BX Di Linh - BX xã Hoà Nam	30	BX Di Linh - QL.20 - Hoà Ninh - Hoà Nam - BX xã Hoà Nam	Mở mới
14	BX Đạ Huoai - BX xã Đoàn Kết	25	BX Đạ Huoai - QL.20 - QL.55B - BX xã Đoàn Kết	Mở mới
15	BX Đạ Huoai - BX xã Phước Lộc	20	BX Đạ Huoai - BX xã Phước Lộc	Mở mới



Stt	Tên tuyến	Cự ly (Km)	Lộ Trình	Quy hoạch
16	BX Bảo Lâm (Lộc Thắng) - BX xã Lộc Lâm	22	BX Bảo Lâm (Lộc Thắng) - đường Hùng Vương - ĐH62 (Lộc Thắng-Phú Lộc-Lộc Lâm) - BX xã Lộc Lâm	Mở mới
17	BX Cát Tiên - BX xã Gia Viễn	15	BX Cát Tiên - ĐT.721 - Đường vào TT xã Gia Viễn - BX xã Gia Viễn	Mở mới
	<b>Tổng cộng</b>	<b>957</b>		

*(Ghi chú: Khi triển khai thực hiện, cự ly và lộ trình cụ thể của tuyến sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện thực tế).*

**Phụ lục 03: Danh mục các tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh mở mới đến năm 2030**  
 (Ban hành kèm theo Quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2017 của UBND tỉnh Lâm Đồng)



Stt	Tên tuyến	Lộ Trình	Quy hoạch
1	BXLT Đà Lạt - BX Đạ Rsal	110 Bến xe liên tỉnh Đà Lạt - Hoàng Văn Thụ - ĐT.725 - Ngã 3 N'Thôn Hạ - QL.27 - BX Đạ Rsal	Mở mới
2	BX Lạc Dương - BX Đạ Chais	38 Bến xe Lạc Dương - Đường Bi Đốp - Đường huyện 79 - QL.27C - Bến xe Đạ Chais	Mở mới
3	BX Lạc Dương - BX xã Đưng K'Nớ	52 Bến xe Lạc Dương - Đường Bi Đốp - Đường Đan Kia - Đường Trường Sơn Đông - Bến xe xã Đưng K'Nớ	Mở mới
4	BX Đam Rông - BX xã Đưng K'Nớ	62 Bến xe huyện Đam Rông - ĐT.722QH (ĐH.41) - Ngã tư Đạ Xế - Xã Đạ Long - Bến xe Đưng K'Nớ	Mở mới
5	BX Đạ Tẻh - BX Lâm Hà	110 Bến xe Đạ Tẻh - ĐT.725 - thị trấn Lộc Thắng - ĐT.725 - Ngã 3 Sơn Hà - QL.27 - Bến xe Lâm Hà	Mở mới
6	BX Di Linh - BX Đạ Tẻh	120 Bến xe Di Linh - QL.20 - Ngã 3 Lộc Nga - Lê Lợi - Nguyễn Văn Cừ - ĐT.726 QH (ĐT.725) - Bến xe huyện Đạ Tẻh	Mở mới
7	BX Di Linh - BX xã Gia Bắc	40 BX Di Linh - Đường Hùng Vương - Đường Lê Lợi - QL.28 - Bến xe xã Gia Bắc	Mở mới
8	BX Di Linh - BX xã Đạ Rsal	120 Bến xe Di Linh - QL.20 - ngã 3 Tân Hội - ĐT.724QH - QL.27- Bến xe Đạ Rsal	Mở mới
9	BX Di Linh - BX Tân Hà	48 Bến xe Di Linh - Đường Hùng Vương - QL.28 - ĐT.725 - Đ. Tân Hà - Liên Hà (ĐT.725 cũ)- Bến xe Tân Hà	Mở mới
10	BX Di Linh - BX xã Sơn Điền	39 BX Di Linh - QL.20 - QL.28 - Đường vào TT xã Sơn Điền - BX xã Sơn Điền	Mở mới
11	BX Cát Tiên - Đong Nai Thượng	34 BX Cát Tiên - ĐT.721 - Đường vào TT xã (Gia Viễn - Tiên Hoàng - Đong Nai Thượng) - BX xã Đong Nai Thượng	Mở mới
<b>Tổng cộng</b>		<b>773</b>	

(Ghi chú: Khi triển khai thực hiện, cự ly và lộ trình cụ thể của tuyến sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện thực tế).





**Phụ lục 04: Nhu cầu đầu tư phương tiện**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 515 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2017 của UBND tỉnh Lâm Đồng)

Stt	Tên tuyến	Cự ly (Km)	Quy hoạch đến 2020				Định hướng đến 2030			
			Tổng	16 chỗ	24 chỗ	29 chỗ	Tổng	16 chỗ	24 chỗ	29 chỗ
1	BX LT Đà Lạt - BX Đạ Tẻh	185	6-9	4-5		2-4	12-14	4-5		8-9
2	BX LT Đà Lạt - BX Cát Tiên	200	7-10	3-4		4-6	18-20	3-4		15-16
3	BX LT Đà Lạt - BX Lâm Hà	70	2			2	4			4
4	BX LT Đà Lạt - BX Đức Trọng	33	5-6	5-6			10-12	5-6		5-6
5	BX LT Đà Lạt - BX Đơn Dương	50	3	1		2	5	1		4
6	BX LT Đà Lạt-UBND xã Đà Loan (Đức Trọng)	60	2			2	2			2
7	BX LT Đà Lạt-UBND xã Tà In (Đức Trọng)	62	2	1		1	2	1		1
8	BX Đức Long Bảo Lộc - BX LT Đà Lạt	115	12-14	12-14			25-27	13-14		12-13
9	BX Đức Long Bảo Lộc - BX Đạ Tẻh	70	2			2	4			4
10	BX Đức Long Bảo Lộc - Đa Mi	40	2		1	1	3		1	2
11	BX Tân Hà – TT Lạc Dương	87	2			2	3			3
12	BX Đạ Tông – TT Lạc Dương	145	4	2		2	6	2		4
13	BX Đức Trọng – Đạ Tông	120	2		1	1	3		1	2
14	BX Đức Trọng-UBND xã Đạ Quyn (Đức Trọng)	55	2		1	1	4		1	3
15	BX Đức Trọng-UBND xã Tà Năng (Đức Trọng)	50	2			2	4			4
16	BX Đức Trọng-UBND xã Đạ Rsal (Đam Rông)	95	4-5	3-4	1		6-8	3-4	1	3-4
17	BX Đức Trọng-UBND xã Phi Liêng (Đam Rông)	65	1			1	2			2
18	BX Đạ Tẻh - Bảo Lâm	70	2	1		1	2	1		1
19	BX Đạ Tẻh - BX Lâm Hà	170	2	1	1		3	1	1	1
20	BX Tân Hà - BX Đức Trọng	32	2	2			4	2		2
21	BX LT Đà Lạt - BX Tân Hà	55	2	2			3	2		1
22	BX LT Đà Lạt - BX Đam Rông	120	3	3			6	3		3
23	BX Tân Hà - BX Đạ Rsal	75	3	3			7	3		4
24	BX LT Đà Lạt - BX Đưng K'Nớ	55	2	2			3	2		1
25	BX Đức Long Bảo Lộc - BX xã Đạ Chais	150	4	4			7	4		3
26	BX Đức Long Bảo Lộc - BX xã Đà Loan	100	3	3			5	3		2
27	BX Đức Trọng - BX TT. Nam Ban	55	2	2			3	2		1
28	BX Đức Trọng - BX Xuân Trường	38	1	1			2	1		1
29	BX Đức Trọng - BX xã Đạ Long	110	3	3			5	3		2

Stt	Tên tuyến	Cự ly (Km)	Quy hoạch đến 2020				Định hướng đến 2030			
			Tổng	16 chỗ	24 chỗ	29 chỗ	Tổng	16 chỗ	24 chỗ	29 chỗ
30	BX Đức Trọng - BX xã Pờ Róh	29	1	1			2	1		1
31	BX Dinh Linh - BX xã Hoà Bắc	26	1	1			3	1		2
32	BX Dinh Linh - BX xã Hoà Nam	30	1	1			3	1		2
33	BX Đạ Huoai - BX xã Đoàn Kết	25	1	1			2	1		1
34	BX Đạ Huoai - BX xã Phước Lộc	20	1	1			2	1		1
35	BX Bảo Lâm (Lộc Thắng) - BX xã Lộc Lâm	22	1	1			2	1		1
36	BX Cát Tiên - BX xã Gia Viễn	15	1	1			2	1		1
37	BX Đạ Tẻh - BX Lâm Hà	110					3			3
38	BX Di Linh - BX Đạ Tẻh	120					2			2
39	BX Di Linh - BX xã Gia Bắc	40					2			2
40	BX Lạc Dương - BX Đạ Chais	38					2			2
41	BX Lạc Dương - BX xã Đưng K'Nớ	52					2			2
42	BXLT Đà Lạt - BX Đạ Rsal	110					3			3
43	BX Di Linh - BX xã Đạ Rsal	120					3			3
44	BX Di Linh - BX Tân Hà	48					3			3
45	BX Đam Rông - BX xã Đưng K'Nớ	62					1			1
46	BX Di Linh - BX xã Sơn Điền	39					2	2		
47	BX Cát Tiên - Đồng Nai Thượng	34					2	2		
	<b>Tổng cộng</b>	<b>3.402</b>	<b>95-105</b>	<b>65-70</b>	<b>5</b>	<b>25-30</b>	<b>205-215</b>	<b>70-75</b>	<b>5</b>	<b>130-135</b>



**Phụ lục 05: Danh mục trạm dừng nghỉ quy hoạch đến năm 2030**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2017 của UBND tỉnh Lâm Đồng)

Stt	Vị trí	Lý trình	Quy mô (m <sup>2</sup> )	Loại trạm	Giai đoạn xây dựng		
					2015-2020	2020-2025	2026-2030
<b>I</b>	<b>Quốc lộ 20</b>						
1	Đạ Huoai	Km 87- Km 98	5.000	2			x
2	Tp. Bảo Lộc	Km 123	4.914	2	x		
3	Đức Trọng	Km 204	5.000	2		x	
<b>II</b>	<b>Quốc lộ 27</b>						
1	Đam Rông	Km 83- Km 96	10.000	1		x	
2	Lâm Hà	Km 134- Km 146	5.000	2			x
<b>III</b>	<b>Quốc lộ 28</b>						
1	Di Linh	Km 65- Km 70	3.000	3			x
<b>IV</b>	<b>Quốc lộ 27C</b>						
1	Lạc Dương	Km 38- Km 40	3.000	3		x	



**Phụ lục 06: Danh sách các điểm dừng đón trả khách đầu tư trước năm 2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2017 của UBND tỉnh Lâm Đồng)*



Stt		Lý trình điểm dừng	
		Bên phải	Bên Trái
<b>I</b>	<b>QL.20</b>		
1	Gần nhà văn hóa huyện Đa Huoai	Km 77+450	Km 77+480
2	Đường vào khu du lịch Ma Đa Guôi, huyện Đa Huoai	Km 84+260	Km 84+190
3	Trung tâm xã Hà Lâm (thôn 3), huyện Đa Huoai	Km 89+930	Km 89+960
4	Trường tiểu học thị trấn Đa M'ri, huyện Đa Huoai	Km 94+170	Km 94+200
5	Thôn 1 xã Đại Lào, Tp.Bảo Lộc	Km 106+660	Km 106+680
6	Thôn 3 xã Đại Lào gần UBND xã Đại Lào, Tp.Bảo Lộc	Km 110+120	Km 110+150
7	Khu dân cư Beacon Pass, phường Lộc Tiến, Tp.Bảo Lộc	Km 116+400	Km 116+360
8	Thôn 1 xã Lộc An (gần chợ Lộc An), huyện Bảo Lâm	Km 132+600	Km 132+630
9	Cây Số 16 xã Đinh Trang Hòa, huyện Di Linh	Km 139+670	Km 139+700
10	Thôn 3 xã Liên Đàm, huyện Di Linh	Km 148+010	Km 148+030
11	Chợ Đinh Lạc xã Đinh Lạc, huyện Di Linh	Km 161+500	Km 161+530
12	Thôn Đông Lạc 3 xã Đinh Lạc, huyện Di Linh	Km 164+380	Km 164+400
13	Chợ Gia Hiệp, huyện Di Linh	Km 170+890	Km 170+920
14	UBND xã Tam Bó, huyện Di Linh	Km 175+520	Km 175+500
15	Thôn Tân Phú xã Ninh Gia, huyện Đức Trọng	Km 181+800	Km 181+820
16	Chợ Ninh Gia, huyện Đức Trọng	Km 186+800	Km 186+820
17	Ngã ba Tân Hội, huyện Đức Trọng	Km 193+470	Km 193+500
18	Vòng xoay Liên Khương, huyện Đức Trọng	Km 203+950	Km 204+130
19	Ngã ba Bông Lai, huyện Đức Trọng	Km 206+020	Km 206+040
20	Ngã ba Phi Nôm, huyện Đức Trọng	Km 209+050	Km 209+100
21	Thôn Trung Hiệp xã Hiệp An, huyện Đức Trọng	Km 211+530	Km 211+550
22	UBND xã Hiệp An, huyện Đức Trọng	Km 216+770	Km 216+790
23	Chân đèo Prenn, Tp.Đà Lạt	Km 221+870	Km 221+900
24	Phường 11, Tp.Đà Lạt	Km 237+000	Km 237+030
25	Chợ Xuân Thọ, Tp.Đà Lạt	Km 242+950	Km 242+930
26	Thôn Trường Vinh, xã Xuân Trường, Tp.Đà Lạt	Km 254+260	Km 254+280
27	Gần nhà máy chè Cầu Đất, Tp.Đà Lạt	Km 256+680	Km 256+680
28	Thôn Trạm Hành I, xã Trạm Hành, Tp.Đà Lạt	Km 259+190	Km 259+210

Stt	Vị trí	Lý trình điểm dừng	
		Bên phải	Bên Trái
<b>II</b>	<b>Quốc lộ 27:</b>		
1	Gần cầu Krông Nô (chợ Đạ Rsal), huyện Đam Rông	Km 83+110	Km 83+090
2	Cầu Đăk San - thôn 3 xã Đạ Rsal, huyện Đam Rông	Km 89+200	Km 89+170
3	Thôn 3 xã Đạ Rsal, huyện Đam Rông	Km 94+650	Km 94+680
4	Ngã ba Bằng Lăng (xã Liêng SRông), huyện Đam Rông	Km 102+580	Km 102+610
5	Ngã ba Liêng SRông – xã Liêng SRông, H.Đam Rông	Km 105+930	Km 105+910
6	Ngã ba Phi Liêng (thôn Trung tâm xã Phi Liêng), huyện Đam Rông	Km 123+630	Km 123+660
7	Ngã ba Huế (thôn Trung tâm xã Đạ K'Nàng), huyện Đam Rông	Km 125+530	Km 125+560
8	Thôn Ngọc Sơn xã Phú Sơn, huyện Lâm Hà	Km 141+720	Km 141+750
9	Thôn Tân Tiến xã Đạ Đờn, huyện Lâm Hà	Km 146+640	Km 146+670
10	Thôn 4 xã Đạ Đờn, huyện Lâm Hà	Km 150+630	Km 150+650
11	Ngã ba Sơn Hà – thị trấn Đinh Văn, huyện Lâm Hà	Km 154+560	Km 154+610
12	Nhà văn hóa xã Bình Thạnh, huyện Đức Trọng	Km 160+930	Km 160+950
13	UBND xã N'Thôn Hạ, huyện Đức Trọng	Km 165+000	Km 165+020
14	Thôn An Tĩnh – xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng	Km 170+050	Km 170+020
15	Đường vào xã Đạ Ròn gần cầu Bắc Hội, huyện Đơn Dương	Km 176+510	Km 176+540
16	Khu Nghĩa Lập 3, thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Đơn Dương	Km 181+270	Km 181+290
17	Thôn Tân Lập xã Lạc Lâm, huyện Đơn Dương	Km 187+070	Km 187+100
18	Thôn Lạc Viên B, xã Lạc Xuân, huyện Đơn Dương	Km 191+390	Km 191+410
19	Chợ Lạc Xuân xã Lạc Xuân, huyện Đơn Dương	Km 195+240	Km 195+260
20	Gần ngã ba chợ Lạc Nghiệp thị trấn Dran, huyện Đơn Dương	Km 199+700	Km 199+680
21	Tổ dân phố Lâm Tuyên, gần trạm y tế TT.Dran, huyện Đơn Dương	Km 202+800	Km 202+850
<b>III</b>	<b>Quốc lộ 28:</b>		
1	UBND xã Gia Bắc, huyện Di Linh	Km 57+100	Km 57+130
2	Thôn Hàng Hải xã Gung Ré (gần cầu số 3), huyện Di Linh	Km 86+920	Km 86+940
3	UBND xã Gung Ré, huyện Di Linh	Km 91+070	Km 91+050
4	Trung tâm xã Tân Châu, huyện Di Linh	Km 99+690	Km 99+720
5	Trung tâm xã Tân Thượng, huyện Di Linh	Km 106+860	Km 106+880
6	Trung tâm xã Tân Lâm, huyện Di Linh	Km 114+700	Km 114+720
7	Trung tâm xã Đinh Trang Thượng, huyện Di Linh	Km 120+780	Km 120+760



Stt	Vị trí	Lý trình điem dừng	
		Bên phải	Bên Trái
<b>IV</b>	<b>Quốc lộ 28B:</b>		
1	Ngã ba Ninh Loan, huyện Đức Trọng	Km 56+210	Km 56+240
2	Ngã ba trạm công an Tà In, huyện Đức Trọng	Km 60+280	Km 60+250
<b>V</b>	<b>Quốc lộ 55:</b>		
1	Thôn 13 xã Lộc Thành, huyện Bảo Lâm	Km 219+020	Km 219+000
2	Trung tâm xã Lộc Thành (thôn 8B), huyện Bảo Lâm	Km 215+520	Km 215+500
3	Thôn 2,3 xã Lộc Nam, huyện Bảo Lâm	Km 210+700	Km 210+720
4	Thôn 5 xã Lộc Nam, huyện Bảo Lâm	Km 206+500	Km 206+520
<b>VI</b>	<b>Quốc lộ 27C:</b>		
1	Vòng xoay Thái Phiên (phường 12, Tp.Đà Lạt)	Km 4+670	Km 4+690
2	Ngã ba Đạ Sar (Thôn 1 xã Đạ Sar), huyện Lạc Dương	Km 12+760	Km 12+740
3	Bưu điện xã Đạ Nhim, huyện Lạc Dương	Km 21+350	Km 21+330
4	Thôn Long Lanh xã Đạ Chais, huyện Lạc Dương	Km 31+000	Km 31+020
5	Thôn Đông Mang xã Đạ Chais, huyện Lạc Dương	Km 38+740	Km 38+760
<b>VII</b>	<b>Đường Trường Sơn Đông:</b>		
1	Thôn Suối Cạn xã Lát, huyện Lạc Dương	Km 668+600	Km 668+630
2	Thôn Lán Tranh xã Đưng KNó, huyện Lạc Dương	Km 653+020	Km 653+040
3	UBND xã Đưng KNó mới, huyện Lạc Dương	Km 645+820	Km 645+870
4	Thôn 1 xã Đưng KNó, huyện Lạc Dương	Km 641+500	Km 641+550
<b>VIII</b>	<b>Đường tỉnh 722:</b>		
1	Ngã 3 Tùng Lâm, phường 7 thành phố Đà Lạt	Km 0+000	Km 0+000
2	Đường vào KDL Thung Lũng Vàng xã Lát, huyện Lạc Dương	Km 5+970	Km 5+950
<b>IX</b>	<b>ĐH.41 (Đường tỉnh 722 QH):</b>		
1	Thôn 4 xã Rômen (trung tâm xã Rômen), huyện Đam Rông	Km 11+330	Km 11+350
2	Thôn 5 xã Rômen (ngã 3 làng Tây), huyện Đam Rông	Km 15+680	Km 15+700
3	Ngã tư Đạ Xê (xã Đạ M'Rông), huyện Đam Rông	Km 28+000	Km 28+020
4	Thôn Liêng Trung II - trung tâm xã Đạ Tông, huyện Đam Rông	Km 31+570	Km 31+600
5	Thôn 4, gần UBND xã Đạ Long, huyện Đam Rông	Km 35+000	Km 35+030
<b>X</b>	<b>Đường tỉnh 725 (Đà Lạt – Lâm Hà):</b>		
1	Ngã 3 Măng Lin, phường 5, Tp.Đà Lạt	Km 1+700	Km 1+720
2	Thôn 2 xã Tà Nung, Tp.Đà Lạt	Km 11+340	Km 11+360

Stt	Vị trí	Lý trình điểm dừng	
		Bên phải	Bên Trái
3	Thôn 3 xã Mê Linh, huyện Lâm Hà	Km 16+200	Km 16+220
4	Tổ dân phố Từ Liêm 1 – thị trấn Nam Ban, huyện Lâm Hà	Km 20+830	Km 20+850
5	Thôn 1 xã Gia Lâm, huyện Lâm Hà	Km 28+840	Km 28+870
6	Ngã ba Trại Giồng - xã Tân Văn, huyện Lâm Hà	Km 34+660	Km 34+680
7	Thôn Đức Thành – xã Hoài Đức, huyện Lâm Hà	Km 45+300	Km 45+330
8	Gần UBND xã Tân Thanh, huyện Lâm Hà	Km 53+390	Km 53+420
9	Ngã ba Sinh Cò, thôn 6 xã Tân Thanh, huyện Lâm Hà	Km 58+130	Km 58+150
<b>XI</b>	<b>Đường tỉnh 725 (X.Tân Lâm H.Di Linh – TT. Lộc Thắng):</b>		
1	Thôn 13 xã Lộc Ngãi, huyện Bảo Lâm	Km 95+750	Km 95+770
2	Ngã ba Làng Tây thôn 9 xã Lộc Ngãi, huyện Bảo Lâm	Km 100+370	Km 100+400
3	Ngã ba thôn 8 xã Lộc Ngãi, huyện Bảo Lâm	Km 102+970	Km 102+950
<b>XII</b>	<b>Đường tỉnh 725 (Bảo Lộc - Lộc Thắng – Lộc Bảo):</b>		
1	Gần ngã ba đường Nguyễn Văn Cừ và Cao Bá Quát, Tp.Bảo Lộc	Km 5+300	Km 5+280
2	Ngã ba công ty Nhóm Lâm Đồng, huyện Bảo Lâm	Km 15+710	Km 15+730
3	Tổ 24 thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm	Km 21+470	Km 21+490
4	Trung tâm xã B'Lá, huyện Bảo Lâm	Km 29+920	Km 29+950
5	Ngã ba Lộc Bảo đi Đăk Nông, huyện Bảo Lâm	Km 43+850	Km 43+880
<b>XIII</b>	<b>Đường tỉnh 726 QH (ĐT.725 hiện trạng) (Đạ Tẻh – Mỹ Đức):</b>		
1	Ngã ba Hoài Nhơn thị trấn Đạ Tẻh, huyện Đạ Tẻh	Km 3+600	Km 3+630
2	Trường THCS Lê Quý Đôn xã Hà Đông, huyện Đạ Tẻh	Km 5+540	Km 5+520
3	Ngã ba vào hồ Đạ Tẻh, huyện Đạ Tẻh	Km 8+800	Km 8+830
<b>XIV</b>	<b>Đường tỉnh 725 QH (Đạ Tẻh – Đạ Pal):</b>		
1	Trung tâm xã Triệu Hải, huyện Đạ Tẻh	Km 6+100	Km 6+130
2	Trung tâm xã Đạ Pal, huyện Đạ Tẻh	Km 12+020	Km 12+000
<b>XV</b>	<b>Đường tỉnh 721:</b>		
1	Thôn 2 xã Ma Đa Guôi, huyện Đạ Huoai	Km 2+00	Km 2+020
2	Gần UBND xã Đạ Oai, huyện Đạ Huoai	Km 9+200	Km 9+230
3	Trung tâm xã Đạ Kho, huyện Đạ Tẻh	Km 14+00	Km 13+980
4	Ngã ba qua cầu Đạ Mí (Ngã 3 thôn 5A xã An Nhơn, huyện Đạ Tẻh)	Km 21+010	Km 21+040
5	Trung tâm xã An Nhơn, huyện Đạ Tẻh	Km 23+260	Km 23+280
6	Trung tâm xã Hương Lâm, huyện Đạ Tẻh	Km 26+320	Km 26+350



Stt	Vị trí	Lý trình điểm dừng	
		Bên phải	Bên Trái
7	Trung tâm xã Quảng Ngãi, huyện Cát Tiên	Km 34+160	Km 34+140
8	Ngã ba Lâm Anh, xã Quảng Ngãi, huyện Cát Tiên	Km 35+530	Km 35+560
9	Ngã ba Buôn Go, huyện Cát Tiên	Km 40+940	Km 40+960
10	Trường THCS Đức Phổ, huyện Cát Tiên	Km 44+150	Km 44+130
11	Ngã tư gần UBND xã Phước Cát 1, huyện Cát Tiên	Km 49+040	Km 49+060
<b>XVI</b>	<b>Đường tỉnh 721 (B'sa-Đạ P'Loa):</b>		
1	Trung tâm xã Đạ P'Loa, huyện Đạ Huoai	Km 5+500	Km 5+520
2	Trung tâm xã Đoàn Kết, huyện Đạ Huoai	Km 8+000	Km 8+030
<b>XVII</b>	<b>Đường tỉnh 724 QH (Phú Hội – Lâm Hà):</b>		
1	Chợ Tân Hội, huyện Đức Trọng	Km 5+730	Km 5+750
2	Thôn Văn Minh xã Tân Văn, huyện Lâm Hà	Km 12+230	Km 12+250
3	Trung tâm xã Phúc Thọ, huyện Lâm Hà	Km 25+790	Km 25+770
<b>XVIII</b>	<b>Đường tỉnh 729 QH:</b>		
1	Thôn Dân Dân xã Lạc Xuân, huyện Đơn Dương	Km 8+500	Km 8+530
2	Chợ Ka Đô, huyện Đơn Dương	Km 13+600	Km 13+620
3	Thôn Quảng Hòa xã Quảng Lập, huyện Đơn Dương	Km 17+020	Km 17+050
4	UBND xã P'ró, huyện Đơn Dương	Km 19+920	Km 19+900
5	Thôn Đạ An xã Đà Loan, huyện Đức Trọng	Km 5+220	Km 5+200
6	Thôn Đà Thuận xã Đà Loan, huyện Đức Trọng	Km 10+420	Km 10+450
7	UBND xã Tà Năng, huyện Đức Trọng	Km 16+000	Km 16+030
8	Ngã ba Tân Hạ xã Đạ Quyn, huyện Đức Trọng	Km 20+440	Km 20+440
9	Thôn Tơ M'Răng xã Đạ Quyn, huyện Đức Trọng	Km 25+140	Km 25+160
10	Cụm Ma Tà Nùng thôn Chơ Rung xã Đạ Quyn, huyện Đức Trọng	Km 30+940	Km 30+960
<b>XIX</b>	<b>Đường Tân Hà-Liên Hà (ĐT.725 cũ):</b>		
1	Ngã 3 đường Thông	Km 2+500	Km 2+520
2	Ngã 3 Liên Hà	Km 6+020	Km 6+050
3	Gần UBND xã Liên Hà	Km 10+900	Km 10+870

(Ghi chú: Khi triển khai thực hiện, cho phép dịch chuyển vị trí điểm dừng đón trả khách trong phạm vi  $\pm 100$  m để đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế.)



**Phụ lục 07: Danh mục các bến xe ưu tiên đầu tư**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 595 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2017 của UBND tỉnh Lâm Đồng)

Stt	Tên bến xe	Vị trí
1	Bến xe Đam Rông	Thị trấn Bằng Lãng, Huyện Đam Rông
2	Bến xe Lạc Dương	Thị trấn Lạc Dương, Huyện Lạc Dương
3	Bến xe xã Tân Thành	Trung tâm xã Tân Thành, Huyện Đức Trọng
4	Bến xe xã Tà In	Trung tâm xã Tà In, Huyện Đức Trọng
5	Bến xe xã Tà Năng	Trung tâm xã Tà Năng, Huyện Đức Trọng
6	Bến xe xã Đạ Quyn	Trung tâm xã Đạ Quyn, Huyện Đức Trọng
7	Bến xe xã Phi Liêng	Trung tâm xã Phi Liêng, Huyện Đam Rông
8	Bến xe xã Đạ Rsal	Trung tâm xã Đạ Rsal, Huyện Đam Rông
9	Bến xe xã Đạ Long	Trung tâm xã Đạ Long, Huyện Đam Rông
10	BX TT.Nam Ban	TT.Nam Ban, Huyện Lâm Hà
11	BX TT. Dran	TT. Dran, Huyện Đơn Dương
12	Bến xe xã Próh	Trung tâm xã Próh, Huyện Đơn Dương
13	BX xã Hoà Bắc	Trung tâm xã Hoà Bắc, Huyện Di Linh
14	BX xã Hoà Nam	Trung tâm xã Hoà Nam, Huyện Di Linh
15	BX xã Đoàn Kết	Trung tâm xã Đoàn Kết, Huyện Ma Đa Guôi
16	BX xã Phước Lộc	Trung tâm xã Phước Lộc, Huyện Ma Đa Guôi
17	BX xã Lộc Lâm	Trung tâm xã Lộc Lâm, Huyện Ma Đa Guôi
18	BX xã Gia Viễn	Trung tâm xã Gia Viễn, Huyện Cát Tiên